

Số: 01/2019/QĐST-HNGĐ

B, ngày 02 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị L.** Sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh **Trương Văn B.** Sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị L và anh Trương Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị L và anh Trương Văn B thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Chị Hà Thị L và anh Trương Văn B có 01 con chung là Trương Hà X sinh ngày 03/8/2017, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi

con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) mỗi tháng, thời điểm cấp dưỡng từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Việc thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về vay nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Chị Hà Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 08625 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Hoàn lại cho chị L số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Trương Văn B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã H;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Doanh